TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẬP** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2025/QĐCNTTLH	*Yên Lập, ngày 26 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HOÀ GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 55, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của anh Lê Xuân Q và chị Hà Thị Hồng S.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày 09 tháng 01 năm 2025 của người khởi kiện.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ Người khởi kiện: Anh Lê Xuân Q - sinh năm 1982

Địa chỉ: khu 7, xã Mỹ Lung, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ

+ Người bị khởi kiện: Chị Hà Thị Hồng S - sinh năm 1987

Địa chỉ: khu 7, xã Mỹ Lung, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 20 tháng 02 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 20 tháng 02 năm 2025, cụ thể:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Xuân Q và chị Hà Thị Hồng S.

1.2. *Về con chung*: Hai bên trình bày vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Ánh T - sinh ngày 24/9/2006, hiện đã thành niên và Lê Thành Đ - sinh ngày 13/02/2014 (bị khuyết tật bẩn sinh mức độ nặng có Giấy xác nhận khuyết tật). Ly hôn hai bên

thỏa thuận chị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thành Đ, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị S không yêu cầu.

Chị S cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. *Về chi phí hòa giải*: Hai bên không phải chịu chi phí hòa giải theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Lập;
- UBND xã Mỹ Lung;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Lương Ngọc Dũng